| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH HƯNG YÊN | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 1379/QĐ-UBND | *Hưng Yên, ngày 28 tháng 06 năm 2022* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Thanh tra tỉnh

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 15/TTr-TTT ngày 14/6/2022.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1**. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Thanh tra tỉnh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ thủ tục hành chính tại điểm III, IV mục A; điểm III, IV mục B; điểm III, IV mục C Danh mục thủ tục ban hành kèm theo Quyết định số 1819/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chánh Thanh tra tỉnh; Thủ trưởng sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT Hưng Yên;
- Trung tâm TT- HN tỉnh;
- Lưu: VT, PVHCC&KSTT[L].108

**CHỦ TỊCH**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 28/06/2022 12:50:15

**Trần Quốc Văn**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA THANH TRA TỈNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 28 / 6 / 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)*

## A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CẤP TỈNH

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Hình thức thực hiện TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích *(Điền dấu "x" vào ô thích hợp)* | | Phí, Lệ phí | Căn cứ pháp lý | Căn cứ Quyết định công bố TTHC của Tổng Thanh tra Chính phủ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Được tiếp nhận hồ sơ | Được trả kết quả | | | |
| **I. Lĩnh vực Tiếp công dân** | | | | | | | | |
| | Tiếp công dân tại cấp tỉnh | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, | Ban tiếp công dân tỉnh, bộ phận tiếp công dân của Thanh tra tỉnh và các Sở. | | | Không | - Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011;<br>- Luật Tố cáo ngày 12 tháng 6 năm 2018;<br>- Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi | Quyết định số 193/QĐ-TTCP ngày 20/5/2022 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc công bố TTHC được thay thế trong lĩnh vực tiếp công dân thuộc phạm |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. | | | | | tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo;<br>- Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;<br>- Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh. | vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ |
| **II. Lĩnh vực Xử lý đơn thư** | | | | | | | | |
| | Xử lý đơn tại cấp tỉnh | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. | Ban tiếp công dân tỉnh, bộ phận xử lý đơn thuộc Thanh tra tỉnh và các Sở. | x | x | Không | - Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011;<br>- Luật Tố cáo ngày 12 tháng 6 năm 2018;<br>- Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện | Quyết định số 194/QĐ-TTCP ngày 20/5/2022 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc công bố TTHC được thay thế trong lĩnh vực xử lý đơn thư thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo;<br>- Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;<br>- Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh. | |

**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CẤP HUYỆN**

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Hình thức thực hiện TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích *(Điền dấu "x" vào ô thích hợp)* | | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Căn cứ Quyết định công bố TTHC của Tổng Thanh tra Chính phủ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Được tiếp | Được trả | | | |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | **nhận hồ sơ** | **kết quả** | | | |
| **I. Lĩnh vực Tiếp công dân** | | | | | | | | |
| | Tiếp công dân tại cấp huyện | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. | Ban tiếp công dân cấp huyện, Thanh tra huyện, thị xã, thành phố và các các phòng ban chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện | | | Không | - Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011;<br>- Luật Tố cáo ngày 12 tháng 6 năm 2018;<br>- Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo;<br>- Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;<br>- Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố | Quyết định số 193/QĐ-TTCP ngày 20/5/2022 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc công bố TTHC được thay thế trong lĩnh vực tiếp công dân thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | cáo, đơn kiến nghị, phản ánh. | |
| **II. Lĩnh vực Xử lý đơn thư** | | | | | | | | |
| | Xử lý đơn tại cấp huyện | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. | Ban tiếp công dân cấp huyện, Thanh tra huyện, thị xã, thành phố và các các phòng ban chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện | x | x | Không | - Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011;<br>- Luật Tố cáo ngày 12 tháng 6 năm 2018;<br>- Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo;<br>- Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;<br>- Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố | Quyết định số 194/QĐ-TTCP ngày 20/5/2022 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc công bố TTHC được thay thế trong lĩnh vực xử lý đơn thư thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | cáo, đơn kiến nghị, phản ánh. | |

## C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CẤP XÃ

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Hình thức thực hiện TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích *(Điền dấu "x" vào ô thích hợp)* | | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Căn cứ Quyết định công bố TTHC của Tổng Thanh tra Chính phủ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | **Được tiếp nhận hồ sơ** | **Được trả kết quả** | | | |
| **I. Lĩnh vực Tiếp công dân** | | | | | | | | |
| | Tiếp công dân tại cấp xã | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có | UBND cấp xã | | | Không | - Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011;<br>- Luật Tố cáo ngày 12 tháng 6 năm 2018;<br>- Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và | Quyết định số 193/QĐ-TTCP ngày 20/5/2022 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc công bố TTHC được thay thế trong lĩnh vực tiếp công dân thuộc phạm vi quản lý nhà nước |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. | | | | | biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo;<br>- Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;<br>- Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh. | của Thanh tra Chính phủ |
| **II. Lĩnh vực Xử lý đơn thư** | | | | | | | | |
| | Xử lý đơn tại cấp xã | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. | UBND cấp xã | x | x | Không | - Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011;<br>- Luật Tố cáo ngày 12 tháng 6 năm 2018;<br>- Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và | Quyết định số 194/QĐ-TTCP ngày 20/5/2022 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc công bố TTHC được thay thế trong lĩnh vực xử lý đơn thư thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo;<br>- Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;<br>- Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh. | |